

Bản án số: 88/2018/DS-PT
Ngày: 28 - 9 - 2018
V/v: Tranh chấp tiền chuyển giao
phần hộ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Ông Cao Minh Vỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: Ông Lê Văn Thiên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc: Tranh chấp tiền chuyển giao phần hộ.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2018/QĐ-PT ngày 26/8/2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 69/2018/QĐ-PT ngày 10/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ 1, ấp Phước Tân 3, xã Tân Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Dương Thị Đ (Hoa), sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ 9, ấp Phước Tân 2, xã Tân Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thùy T (Bé Thọ), sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 6, ấp Phước Tân 2, xã Tân Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

- Bà Huỳnh Thị Kim L1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 9, ấp Phước Tân 2, xã Tân Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

- Bà Lương Thị Kim T1 (Hải), sinh năm 1954; Địa chỉ: Tổ 6, ấp Phước Tân 2, xã Tân Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị T2 (Gái), sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 6, ấp Tân Châu, xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị T3 (Tám Sơn), sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 11, ấp Phước Tân 2, xã Tân Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

- Bà Bùi Thị T4, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 8, ấp Phước Tân 4, xã Tân Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Dương Thị Đ là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Bà Dương Thị Đ là chủ hộ đầu thảo, trong một số hộ có thành viên tham gia đến kỳ lĩnh hộ do trả lãi thấp nên không được lĩnh hộ, nhưng do cần tiền, thành viên này đã đồng ý để cho chủ hộ là bà Đ chuyển giao lại phần hộ của mình cho người khác để lấy tiền, bà Đ nói với bà L, bà L đồng ý mua lại phần hộ của thành viên đó thông qua bà Đ, bà L giao tiền cho bà Đ để bà Đ giao cho thành viên đó, đến kỳ tiếp theo thành viên đó vẫn phải đóng tiền hộ, bà L sẽ được hưởng phần hộ của thành viên đó. Việc giao dịch chuyển giao phần hộ nêu trên chỉ thông qua chủ hộ là bà Đ, bà Đ chịu trách nhiệm về số tiền này. Các lần giao dịch giữa bà L với bà Đ như sau:

- Ngày 20-5-2010, bà Đ chuyển giao lại phần hộ của bà Lương Thị Kim T1 (Hải) cho bà L với số tiền là 20.430.000đ (hộ này mở ngày 20-4-2010 có 30 thành viên tham gia, mỗi phần hộ 1.000.000đ). Cụ thể như sau: Kỳ mở hộ thứ nhất ngày 20-4-2010 bà Đ là người lĩnh hộ, nhận được tổng cộng 30.000.000đ. Kỳ mở hộ thứ 2 ngày 20-5-2010, thành viên trả lãi cao nhất 330.000đ được lĩnh hộ, bà Đ nói với bà L là có bà T1 là người trả lãi thấp hơn không được lĩnh hộ và đồng ý chuyển giao phần hộ. Bà Đ nói với bà L nhận phần hộ của bà T1 trong hộ này, sau khi thỏa thuận phần tiền lãi $330.000đ \times 28 \text{ người} = 9.240.000đ$. Nếu như bà L lĩnh hộ cuối cùng thì được nhận 29.000.000đ, do không lĩnh hộ nên bà L tiếp tục phải đóng 670.000đ, tổng số tiền bà Đ chuyển giao phần hộ của bà T1 20.430.000đ. Do không biết bà T1 là ai và tin tưởng vào chủ hộ nên bà L đã giao số tiền này bà Đ là chủ hộ nhận trực tiếp và ký nhận trong sổ.

- Ngày 20-7-2010, bà Đ chuyển giao phần hộ của bà Nguyễn Thị Thùy T (Bé Thọ) cho bà L với số tiền 23.300.000đ (hộ này mở ngày 20-4-2010 có 32 thành viên tham gia, mỗi phần hộ 1.000.000đ). Cụ thể như sau: Kỳ mở hộ thứ 4 ngày 20-7-2010, thành viên trả lãi cao nhất 300.000đ được lĩnh hộ, bà Đ nói bà T là người trả lãi thấp hơn không được lĩnh hộ. Do cần tiền bà T đồng ý để cho bà Đ chuyển giao phần hộ của mình cho bà L, sau khi thỏa thuận phần tiền lãi $300.000đ \times 28 \text{ người} = 8.400.000đ$. Nếu như bà L lĩnh hộ cuối cùng thì được nhận 31.000.000đ, do không lĩnh hộ nên bà L tiếp tục phải đóng 700.000đ, số tiền bà Đ chuyển giao phần hộ của bà T 23.300.000đ. Số tiền này bà Đ nhận trực tiếp và ký nhận trong sổ.

- Ngày 20-9-2010, bà Đ chuyển giao phần hộ của bà T4 cho bà L với số tiền 24.400.000đ (hộ này mở ngày 20-4-2010 có 32 người, mỗi phần hộ 1.000.000đ). Cụ thể như sau: Kỳ mở hộ thứ 6 ngày 20/8/2010, thành viên trả lãi cao nhất 280.000đ được lĩnh hộ, bà Đ nói bà T4 là người trả lãi thấp hơn không được lĩnh hộ. Do cần tiền bà T4 đồng ý để cho bà Đ chuyển giao phần hộ của mình và nói bà L nhận phần hộ của bà T4 trong hộ này, sau khi thỏa thuận phần tiền lãi $280.000đ \times 26 \text{ người} = 7.280.000đ$. Nếu như bà L lĩnh hộ cuối cùng thì được nhận 31.000.000đ, do

không lĩnh họ nên bà L tiếp tục phải đóng 720.000đ, số tiền bà Đ chuyển giao phần họ của bà T4 24.440.000đ. Số tiền này bà Đ nhận trực tiếp và ký nhận trong sổ.

- Ngày 10/02/2011, bà Đ chuyển giao phần họ của mình cho bà L với số tiền 39.080.000đ (họ này mở ngày 10/10/2010, có 25 người, mỗi phần họ 2.000.000đ). Cụ thể như sau: Kỳ mở họ thứ 5 ngày 10/02/2011, thành viên trả lãi cao nhất 520.000đ được lĩnh họ, bà Đ trả lãi thấp hơn nên không được lĩnh họ. Do cần tiền bà Đ đã chuyển giao phần họ của mình trong họ này cho bà L, sau khi thỏa thuận phần tiền lãi 520.000đ x 20 người = 10.400.000đ. Nếu như bà L lĩnh họ cuối cùng thì được nhận 48.000.000đ, do không lĩnh họ nên bà L tiếp tục phải đóng góp 1.480.000đ, tổng số tiền bà Đ chuyển giao phần họ của mình 39.080.000đ. Số tiền này bà Đ nhận trực tiếp và ký nhận trong sổ.

- Ngày 01-5-2011, bà Đ chuyển giao 02 phần họ của bà L1 cho bà L với số tiền 21.100.000đ (họ này mở ngày 01-4-2011, có 31 người, mỗi phần họ 500.000đ). Cụ thể như sau: Kỳ mở họ thứ 2 ngày 01-5-2011, thành viên trả lãi cao nhất 165.000đ được lĩnh họ, bà Đ nói bà L1 trả lãi thấp hơn nên không được lĩnh họ. Do cần tiền bà L1 đồng ý để cho bà Đ chuyển giao 02 phần họ của mình và nói bà L nhận hai phần họ của bà L1 trong họ này, sau khi thỏa thuận phần tiền lời 165.000đ x 29 người = 4.785.000đ. Nếu như lĩnh họ cuối cùng thì được nhận 15.000.000đ, do không lĩnh họ nên bà L tiếp tục phải đóng 335.000đ, tổng số tiền bà Đ chuyển giao phần họ của bà L1 là 10.550.000đ. Do nhận hai phần họ nên số tiền giao cho bà Đ là 21.100.000đ. Số tiền này bà Đ nhận trực tiếp và ký nhận trong sổ.

- Ngày 10-5-2011, bà Đ chuyển giao phần họ của bà Nguyễn Thị T2 cho bà L với số tiền 39.200.000đ (họ này mở ngày không nhớ có 25 người, mỗi phần họ 2.000.000đ). Cụ thể như sau: Kỳ mở họ thứ 8 ngày 10-5-2011, thành viên trả lãi cao nhất 600.000đ được lĩnh họ, bà Đ nói bà T2 trả lãi thấp hơn nên không được lĩnh họ. Do cần tiền bà T2 đồng ý để cho bà Đ chuyển giao phần họ của mình và nói bà L nhận phần họ của bà T2 trong họ này, sau khi thỏa thuận phần tiền lời là 600.000đ x 17 người = 10.200.000đ. Nếu như lĩnh họ cuối cùng thì được nhận 48.000.000đ, do không lĩnh họ nên bà L tiếp tục phải đóng 1.400.000đ, tổng số tiền bà Đ chuyển giao phần họ của bà T2 39.200.000đ. Số tiền này bà Đ nhận trực tiếp và ký nhận trong sổ.

- Ngày 01-9-2011, bà Đ chuyển giao phần họ của bà Nguyễn Thị T3 (tên thường gọi là Tám Sơn) cho bà L với số tiền 12.350.000đ (họ này mở ngày không nhớ, có 33 người, mỗi phần họ 500.000đ). Cụ thể như sau: Kỳ mở họ thứ 6 ngày 01-9-2011, thành viên trả lãi cao nhất 150.000đ được lĩnh họ, bà Đ nói bà T3 trả lãi thấp hơn nên không được lĩnh họ. Do cần tiền bà T3 đồng ý để cho bà Đ chuyển giao phần họ của mình và nói bà L nhận phần họ của bà T3 trong họ này, sau khi thỏa thuận phần tiền lãi 150.000đ x 27 người = 4.050.000đ. Nếu như lĩnh họ cuối cùng thì được nhận 16.000.000đ, do không lĩnh họ nên bà L tiếp tục phải đóng 400.000đ, tổng số tiền bà Đ chuyển giao phần họ của bà T3 12.350.000đ. Số tiền này bà Đ nhận trực tiếp và ký nhận trong sổ.

- Ngày 05-10-2011, bà Đ chuyển giao phần họ của bà Lương Thị Kim T1 cho bà L với số tiền 30.030.000đ (họ này mở ngày không nhớ có 21 người, mỗi phần họ 2.000.000đ). Cụ thể như sau: Kỳ mở họ thứ 3 ngày 05-10-2011, thành viên trả lãi cao nhất 630.000đ được lĩnh họ, bà Đ nói có bà T1 trả lãi thấp hơn nên

không được lĩnh họ. Do cần tiền bà T1 đồng ý để cho bà Đ chuyển giao phần họ của mình và nói bà L nhận phần họ của bà T1 trong họ này, sau khi thỏa thuận phần tiền lời $630.000đ \times 18 \text{ người} = 11.340.000đ$. Nếu như lĩnh họ cuối cùng thì được nhận $40.000.000đ$, do không lĩnh họ nên bà L tiếp tục phải đóng $1.370.000đ$, tổng số tiền bà Đ chuyển giao phần họ của bà T1 $30.030.000đ$. Số tiền này bà Đ nhận trực tiếp và ký nhận trong sổ.

- Ngày 05-11-2011, bà Đ chuyển giao phần họ của bà Lương Thị Kim T1 (tên thường gọi là Hải) cho bà L với số tiền $31.650.000đ$ (họ này mở ngày không nhớ có 22 người, mỗi phần họ $2.000.000đ$). Cụ thể như sau: Kỳ mở họ thứ 4 ngày 05/11/2011, thành viên trả lãi cao nhất $650.000đ$ được lĩnh họ, bà Đ nói bà T1 trả lãi thấp hơn nên không được lĩnh họ. Do cần tiền bà T1 đồng ý để cho bà Đ chuyển giao phần họ của mình và nói bà L nhận phần họ của bà T1 trong họ này, sau khi thỏa thuận phần tiền lời $650.000đ \times 18 \text{ người} = 11.700.000đ$. Nếu như lĩnh họ cuối cùng thì được nhận $42.000.000đ$, do không lĩnh họ nên bà L tiếp tục phải đóng $1.350.000đ$, tổng số tiền bà Đ chuyển giao phần họ của bà T1 $31.650.000đ$. Số tiền này bà Đ nhận trực tiếp và ký nhận trong sổ.

- Ngày 25-12-2011, bà Đ chuyển giao phần họ của bà Huỳnh Thị Kim L1 cho bà L với số tiền $20.200.000đ$ (họ này mở ngày 25-11-2011, có 33 người, mỗi phần họ $1.000.000đ$). Cụ thể như sau: Kỳ mở họ thứ 2 ngày 25-12-2011, thành viên trả lãi cao nhất $400.000đ$ được lĩnh họ, bà Đ nói bà L1 trả lãi thấp hơn nên không được lĩnh họ. Do cần tiền bà L1 đồng ý để cho bà Đ chuyển giao phần họ của mình và nói bà L nhận phần họ của bà L1 trong họ này, sau khi thỏa thuận phần tiền lãi $400.000đ \times 31 \text{ người} = 19.600.000đ$. Nếu như lĩnh họ cuối cùng thì được nhận $32.000.000đ$, do không lĩnh họ nên bà L tiếp tục phải đóng $600.000đ$, tổng số tiền bà Đ chuyển giao phần họ của bà L1 $20.200.000đ$. Số tiền này bà Đ nhận trực tiếp và ký nhận trong sổ.

Tổng số tiền bà L đã giao cho bà Đ để nhận chuyển giao phần họ của các thành viên tham gia trong họ là $261.780.000đ$. Do họ đã ngưng hoạt động nên bà L yêu cầu bà Đ trả lại cho bà L số tiền này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền $39.080.000đ$, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ phải hoàn trả số tiền $222.660.000đ$.

* *Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn bà Dương Thị Đ trình bày:* Bà là chủ họ đầu thảo, trong một số họ do bà làm chủ có một số thành viên tham gia đến kỳ lĩnh họ do trả lãi thấp hơn không được lĩnh họ do cần tiền nên nhờ bà chuyển giao lại phần họ của mình, bà đã chuyển phần họ đó cho bà L, cụ thể như sau:

- Tại kỳ mở họ ngày 20/5/2010, bà T1 là người trả lãi thấp hơn nên không được lĩnh họ do cần tiền nên bà T1 thỏa thuận chuyển giao phần họ của mình cho bà L, không biết hai bên thỏa thuận như thế nào, nhưng do bà L không tin tưởng bà T1 nên giao tiền cho bà Đ để giao lại cho bà T1 (không nhớ số tiền bao nhiêu). Do vậy, sau khi viết giấy bà L yêu cầu bà Đ ký tên dưới người nhận tiền nên bà Đ ký tên Hoa dưới người nhận tiền. Bà Đ không được hưởng lợi gì từ việc chuyển giao này, sau đó hàng tháng bà T1 giao tiền lãi cho bà Đ để trả lại cho bà L, nhưng không làm giấy tờ gì.

- Tại kỳ mở hộ ngày 20/7/2010, T là người trả lãi thấp hơn nên không được lĩnh hộ vì cần tiền bà T đồng ý chuyển giao phần hộ của mình cho bà L, nhưng do bà L không tin tưởng bà T nên giao tiền cho bà Đ để giao lại cho bà T, do vậy tại giấy “Hụi Hoa áp thảo 20.4.2010” ở dưới phía tên người nhận tiền bà Hoa có ký “Hoa”. Do đã lâu nên bà Đ không nhớ là chữ “Hoa” dưới hàng chữ người nhận tiền có phải của mình hay không.

- Tại kỳ mở hộ ngày 20-9-2010, bà T4 là người trả lãi thấp hơn nên không được lĩnh hộ do cần tiền nên bà T4 đồng ý chuyển giao phần hộ của mình cho bà L, nhưng bà Đ không biết là bao nhiêu, do bà L không tin tưởng bà T4 nên giao tiền cho bà Đ để giao lại cho bà T4.

- Bà Đ cho rằng không có việc ngày 10-02-2011 bà Đ chuyển giao phần hộ của mình cho bà L theo giấy “Hụi Hoa Bình A thảo 10.10.2010”. Chữ ký “Hòa Bình” phía dưới người hốt hụi do lâu rồi nên bà không biết là của ai. Do không biết chính xác là chữ ký của mình hay không nên bà Đ không yêu cầu giám định.

- Tại kỳ mở hộ ngày 01/5/2011, bà L1 là người trả lãi thấp hơn nên không được lĩnh hộ do cần tiền nên bà L1 nói với bà Đ nếu có ai nhận chuyển giao phần hộ của mình thì chuyển giao dùm. Vì vậy bà Đ chuyển giao 02 phần hộ của bà L1 cho bà L, nhưng do thời gian đã lâu bà Đ không nhớ là bao nhiêu, do bà L không tin tưởng bà L1 nên giao tiền cho bà Đ để bà Đ giao lại cho bà L1. Vì vậy tại giấy “1-5-2011 Hụi 500 ng 31 p kỳ 2” bà có ký chữ “Hoa” dưới mục người nhận tiền. Sau khi nhận tiền từ bà L bà Đ đã giao lại cho bà L1 và hàng tháng sau khi nhận tiền lãi từ bà L1, bà Đ đều thanh toán lại cho bà L, nhưng không làm giấy tờ gì.

- Tại kỳ mở hộ ngày 10/5/2011, bà T2 là người trả lãi thấp hơn nên không được lĩnh hộ, do cần tiền nên bà T2 nhờ bà Đ chuyển giao phần hộ của mình cho bà L, nhưng do bà L không tin tưởng bà T2 nên giao tiền cho bà Đ để giao lại cho bà T2. Vì vậy, bà L viết giấy và phân ghi người bán bà Hoa có ký chữ “Hoa”.

- Tại kỳ mở hộ thứ 6 ngày 01/9/2011, do bà T3 là người trả lãi thấp hơn không được lĩnh hộ nên có nói với bà Đ nếu có ai nhận phần hộ của mình thì chuyển giao dùm nên bà Đ giới thiệu bà L cho bà T3, nhưng do bà L không tin tưởng bà T3 nên giao tiền cho bà Đ để giao cho bà T3. Vì vậy, bà Đ viết giấy và ký chữ “Hoa” trong giấy mua bán này. Sau khi nhận tiền bà Đ giao lại tiền cho bà T3, hàng tháng bà T3 thanh toán tiền lãi bà Đ đều giao lại cho bà L, không biết có làm giấy tờ gì hay không vì thời gian quá lâu không nhớ.

- Tại giấy “05-10-2011 Hụi 2 tr đồng..” chữ ký “Hoa” dưới mục người nhận tiền là của bà Đ, nhưng bà Đ không nhớ nội dung viết như thế nào chỉ nhớ bà T1 tham gia rất nhiều hộ do bà Đ làm chủ hộ, đến kỳ lĩnh hộ do trả lãi thấp hơn không được lĩnh hộ. Do đó bà T1 đều chuyển giao lại phần hộ của mình cho người khác trong đó có chuyển giao cho bà L. Tại kỳ mở hộ này bà T1 là người trả lãi thấp hơn không được lĩnh hộ nên đã chuyển giao phần hộ của mình cho bà L, do bà L không tin tưởng bà T1 nên giao tiền cho bà Đ để giao lại cho bà T1. Vì vậy, bà Đ viết giấy xác nhận và tại mục người nhận tiền ký chữ “Hoa”.

- Tại giấy “Hụi Hoa AT 5.11.2011” chữ ký “Hoa” dưới người nhận tiền là do bà Đ ký, nhưng không nhớ nội dung, chỉ nhớ bà T1 trả lãi thấp không được lĩnh hộ do cần tiền nên đã chuyển giao phần hộ của mình cho bà L nhưng bà L không tin

tưởng nên giao tiền cho bà Đ để giao lại cho bà T1. Hàng tháng bà T1 thanh toán tiền lãi bà Đ đều giao lại cho bà L, nhưng không làm giấy tờ gì.

- Cũng như những lần trước, bà L có tham gia họ do bà Đ làm chủ nhưng đến kỳ lĩnh họ do trả lãi thấp hơn không được lĩnh họ nên bà L đồng ý chuyển giao phần họ của mình cho bà L nhưng không biết với giá bao nhiêu, do bà L không tin tưởng bà L1 nên giao tiền cho bà Đ để bà Đ giao lại cho bà L1. Vì vậy bà Đ có viết giấy xác nhận và có ký chữ “Hoa” trong giấy này. Sau khi nhận tiền từ bà L bà Đ giao lại cho bà L1, hàng tháng bà L1 trả tiền lãi bà Đ đều giao lại cho bà L.

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy T, bà Huỳnh Thị Kim L1, bà Lương Thị Kim T1, bà Nguyễn Thị T2 và bà Nguyễn Thị T3 trình bày: Trước đây bà T, bà L1, bà T1, bà T2 và bà Tám có tham gia một số họ do bà Đ làm chủ họ, do đã lâu nên không xác định được thời gian. Trong quá trình tham gia họ không có việc chuyển giao phần họ của mình cho bà L như bà Đ trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T4 vắng mặt trong quá trình tố tụng và không có ý kiến gì.*

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã quyết định như sau: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần bà L rút là 39.000.000đ; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho Liên 222.700.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 05/7/2018 bà Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Bác yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc bà Đ phải trả cho bà L 222.700.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 16.660.000đ, gồm các khoản: 990.000 theo giấy nhận tiền ngày 20/5/2010; 5.000.000đ theo giấy nhận tiền ngày 20/4/2010 và 10.670.000đ theo giấy nhận tiền ngày 01/5/2011; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Theo bản án sơ thẩm bà Dương Thị Đ (Hoa) làm chủ họ (họ có lãi) có nhiều người tham gia, đến kỳ mở họ một số thành viên trả lãi thấp nên không được lĩnh họ. Do cần tiền nên các thành viên đã nhờ bà Đ đứng ra bán lại phần họ cho bà L, nhưng sau đó bà Đ không thanh toán lại số tiền mà những người góp họ đã bán cho bà L dẫn đến tranh chấp. Theo tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thì số tiền những người góp họ bán lại cho bà L được bà Đ chấp nhận là 222.700.000 đồng. Tuy nhiên qua nghiên cứu các chứng cứ trong hồ sơ cho thấy:

Tại BL số 81 ngày 20.5.2010 có ghi H tổng cộng hốt 20.430.000 đồng, phía dưới dòng chữ người hốt có ký tên H, dưới dòng chữ người nhận tiền ký tên Hoa. Phía dưới dòng chữ người nhận tiền ký tên Hoa còn có thêm 3 dòng có ký tự 20.6

R; 20.7 R; 20. 8 R. Bà Đ có khai tháng nào người bán hụi đóng tiền bà đều giao lãi cho bà L.

Tại giấy thứ 2 ghi hụi hoa Áp thảo 20.4.2010 (BL 80) bà L mua ngày 20/7/2010 có chốt số tiền là 23 triệu 300 ngàn. Tuy nhiên tại giấy này có thêm dòng chữ “23.300 – 5 triệu = 18 T 300”.

Tại BL số 74, giấy ngày 1-5-2011 do bà Đ viết “Loan Tùng bán Trường 2 phần tổng số tiền 21T100 ngàn ký tên người nhận tiền Hoa”. Phía dưới dòng chữ Hoa có ghi thêm “Hốt hụi còn 21T100 – 10T670 còn 10T430”.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện trong 03 tài liệu nêu trên bà Đ đã thanh toán cho bà L số tiền là 16.660.000đồng. Chỉ yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền còn thiếu nợ là 206.040.000đồng.

Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần khởi kiện là tự nguyện, bà Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 206.040.000đồng. Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với lời thừa nhận của bị đơn. Bị đơn cho rằng đã thanh toán hết số tiền này cho nguyên đơn nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn là bà L chấm dứt ủy quyền đối với bà Lê Thị Mỹ L2 trong việc tham gia tố tụng giải quyết vụ án, việc chấm dứt ủy quyền là tự nguyện nên chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Đ số tiền 16.660.000đ, gồm các khoản: 990.000đ theo giấy nhận tiền ngày 20/5/2010; 5.000.000đ theo giấy nhận tiền ngày 20/4/2010 và 10.670.000đ theo giấy nhận tiền ngày 01/5/2011.

Bà Đ không có ý kiến về việc rút phần yêu cầu nêu trên của bà L, đề nghị Tòa án giải quyết bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc bà phải trả cho bà L 222.700.000đ.

Xét thấy: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L với số tiền 16.660.000đ nêu trên là tự nguyện, có lợi cho bị đơn, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu còn lại của bà L yêu cầu bà Đ trả cho bà L số tiền 206.040.000đ mà bà L đã giao cho bà Đ trong việc chuyển giao phân họ, thấy: Bà Đ là chủ họ có trách nhiệm trong việc nhận và giao tiền cho các thành viên kể cả việc chuyển giao phân họ trong đó có bà L. Bà Đ thừa nhận có nhận của bà L khoản tiền như bà L yêu cầu nhưng bà cho rằng bà đã trả cho bà L một số tiền trong số tiền nêu trên, số tiền còn lại bà đã giao cho các thành viên chuyển giao phân họ

trong vụ án. Tuy nhiên bà Đ không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc bà đã giao tiền cho bà L cũng như việc bà L đã nhận khoản tiền này, do vậy lời trình bày của bà Đ là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với phần này là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới, do vậy không chấp nhận kháng cáo của bà Đ đối với phần này của bản án sơ thẩm.

Từ nội dung nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đ đối với số tiền 16.660.000đ bà L đã rút yêu cầu nêu trên. Sửa bản án dân sự sơ thẩm. Buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 206.040.000đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L không phải chịu; Miễn án phí cho bà Đ do là người cao tuổi.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đ không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Dương Thị Đ. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 688 Bộ luật dân sự; Nghị định số 114/2006/NĐCP ngày 27/11/2006; Điều 12, Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

Bà Dương Thị Đ có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền 206.040.000đ (Hai trăm lẻ sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: - Miễn án phí cho bà Dương Thị Đ do là người cao tuổi.

- Bà Phạm Thị L không phải chịu. Hoàn trả cho bà L 6.537.000đ (Sáu triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000898 ngày 26/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị Đ không phải chịu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 28/9/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Văn Tâm

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Hiếu Cao Minh Vỹ

Trương Văn Tâm